

DANH SÁCH NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH PHƯỜNG ĐÔNG TIỀN NGHĨ CÔNG TÁC HƯỜNG CHÍNH SÁCH 154 THEO NGHỊ ĐỊNH 154/2025/NĐ-CP
(Kèm theo Công văn số 10/TTr-UBND, ngày 18/5/2026 của phòng Văn hóa - Xã hội)

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ, chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Thời gian bắt đầu bắt đầu công tác ở chức danh NHDKCT ở cấp xã	Thời điểm nghỉ để hưởng chế độ theo ND 154	Tuổi tại thời điểm nghỉ công tác		Tuổi nghỉ hưu theo ND 135		Số năm nghỉ trước tuổi		Thời gian công tác ở chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã		Thời gian công tác có đóng BHXH		Thời gian công tác có đóng BHXH ở vị trí khác		Tổng thời gian công tác: tháng/năm		Số năm làm tròn	Lương hiện hưởng		Được hưởng chính sách			ghi chú	
							Năm	Tháng	Năm	Tháng	Năm	Tháng	Năm	Tháng	Năm	Tháng	Năm	Tháng	Năm	Tháng		Năm	Tháng	Hệ số	Lương hiện hưởng	Trợ cấp một lần		Trợ cấp theo số năm công tác
1	2	3	4	5	6	7	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	
I Có thời gian dưới 5 năm công tác																												
1	Nguyễn Thị Phương	Nữ	23/3/1994	Cán bộ không chuyên trách hỗ trợ giúp việc HĐND	1/2024	31/5/2026	32	2	60	0	27	10	2	5	2	5			2	5	2,5	0,9	2106000	x	x	x		
2	Dương Đăng Mạnh	Nam	10/5/1986	Cán bộ không chuyên trách hỗ trợ giúp việc Trung tâm Cung ứng dịch vụ công	8/2020	31/5/2026	40	0	62	0	22	0	2	0	2	0			2	0	2	0,9	2106000	x	x	x		
3	Lê Duy Thanh	Nam	2/12/1974	Khuyến nông viên hỗ trợ giúp việc Trung tâm Cung ứng dịch vụ công	7/2023	31/5/2026	51	5	62	0	10	7	2	11	2	11			2	11	3	1	2340000	x	x	x		
II Có thời gian công tác 5 năm trở lên, tuổi đời còn trên 5 năm công tác																												
4	Lê Đình Quang	Nam	30/12/1982	Nhân viên kiểm tra Quy tắc đô thị	7/2016	31/5/2026	43	4	62	0	18	8	5	7	4	10			5	7	6	0,9	2106000	x	x	x		
5	Nguyễn Việt Long	Nam	05/07/1987	Cán bộ không chuyên trách hỗ trợ giúp việc Trung tâm Cung ứng dịch vụ công	6/2012	31/5/2026	38	11	62	0	23	1	7	7	4	1	6	3	13	10	14	0,9	2106000	x	x	x	Mất QĐ 2012-2015: Chứng minh bằng Sổ Đăng viên và Sổ BHXH	
6	Lê Thiện Thương	Nam	19/6/1997	Phó chỉ huy QS, Cán bộ không chuyên trách hỗ trợ giúp việc Trung tâm Cung ứng dịch vụ công	7/2018	31/5/2026	28	11	62	0	33	1	7	3	7	3			7	3	7,5	1,2	2808000	x	x	x	Mất QĐ chứng minh bằng Sổ BHXH	
7	Lê Thị Liễu	Nữ	20/4/1984	Cán bộ không chuyên trách hỗ trợ giúp việc Trung tâm Phục vụ HCC	7/2010	31/5/2026	42	1	60	0	17	11	15	11	9	2			15	11	16	0,9	2106000	x	x	x		
8	Quản Bá Lực	Nam	20/4/1985	Cán bộ không chuyên trách hỗ trợ giúp việc Trung tâm Phục vụ HCC	1/7/2010	31/5/2026	41	1	62	0	20	11	15	11	10	5			15	11	16	0,9	2106000	x	x	x		
9	Bùi Thị Thủy	Nữ	4/5/1990	Cán bộ không chuyên trách hỗ trợ giúp việc Trung tâm Cung ứng dịch vụ công	6/2012	31/5/2026	36	0	60	0	24	0	14	0	9	4			14	0	14	1	2340000	x	x	x		
10	Nguyễn Thị Bón	Nữ	20/4/1985	Cán bộ không chuyên trách hỗ trợ giúp việc Trung tâm Cung ứng dịch vụ công	12/2018	31/5/2026	41	1	60	0	18	11	7	6	6	9			7	6	7,5	0,9	2106000	x	x	x		
11	Mai Văn Chung	Nam	03/02/1984	Cán bộ không chuyên trách hỗ trợ giúp việc VP HĐND - UBND phường	11/2011	31/5/2026	42	3	62	0	19	9	14	7	10	5			14	7	15	0,9	2106000	x	x	x		
12	Hoàng Tuấn Anh	Nam	2/2/1984	Cán bộ không chuyên trách hỗ trợ giúp việc Phòng VH, VH	12/2010	31/5/2026	42	3	62	0	19	9	15	3	7	10			15	3	15,5	0,9	2106000	x	x	x		

TRƯỞNG PHÒNG
PHÒNG VĂN HOA - XÃ HỘI
Phan Thị Thanh Hoa

NGƯỜI LẬP
Đo Thị Tươi

DANH SÁCH CÔNG KHAI DỰ TOÁN KINH PHÍ CHO NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH PHƯỜNG ĐÔNG TIẾN NGHĨ CÔNG TÁC HƯỞNG CHÍNH SÁCH 154 THEO NGHỊ ĐỊNH 154/2025/NĐ-CP

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ, chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Thời gian bắt đầu công tác ở chức danh NHDKCT ở cấp xã	Thời điểm nghỉ để hưởng chế độ theo ND 154	Tuổi tại thời điểm nghỉ công tác		Tuổi nghỉ hưu theo ND 135		Thời gian nghỉ sớm		Thời gian công tác ở chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã		Thời gian công tác có đóng BHXH ở vị trí khác		Tổng thời gian công tác: tháng/năm		Tổng số tháng	Số năm làm tròn	Lương hiện hưởng		Tổng kinh phí thực hiện chính sách				Tổng cộng																												
							Năm	Tháng	Năm	Tháng	Năm	Tháng	Năm	Tháng	Năm	Tháng	Năm	Tháng			Năm	Tháng	Hệ số	Lương hiện hưởng	Trợ cấp một lần	Trợ cấp một lần theo số năm công tác		Trợ cấp tìm việc làm																											
1	2	3	4	5	6	7	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28																													
Tổng cộng																												1.578.821.400																											
I Có thời gian dưới 5 năm công tác																												199.215.900																											
1	Nguyễn Thị Phương	Nữ	23/3/1994	Cán bộ không chuyên trách hỗ trợ giúp việc HDND	1/2024	31/5/2026	32	2	60	0	27	10	2	5			2	5	29	2,5	0,9	2.106.000	48.859.200	7.897.500	6.318.000	63.074.700																													
2	Dương Đăng Mạnh	Nam	10/5/1986	Cán bộ không chuyên trách hỗ trợ giúp việc Trung tâm Cung ứng dịch vụ công	8/2020	31/5/2026	40	0	62	0	22	0	2	0			2	0	24	2	0,9	2.106.000	40.435.200	6.318.000	6.318.000	53.071.200																													
3	Lê Duy Thanh	Nam	2/12/1974	Khuyến nông viên hỗ trợ giúp việc Trung tâm Cung ứng dịch vụ công	7/2023	31/5/2026	51	5	62	0	10	7	2	11			2	11	35	3	1	2.340.000	65.520.000	10.530.000	7.020.000	83.070.000																													
II Có thời gian công tác 5 năm trở lên, tuổi đời còn trên 5 năm công tác																												1.379.605.500																											
4	Lê Đình Quang	Nam	30/12/1982	Nhân viên kiểm tra Quy tắc đô thị	7/2016	31/5/2026	43	4	62	0	18	8	5	7			5	7	67	6	0,9	2.106.000	101.088.000	18.954.000	6.318.000	126.360.000																													
5	Nguyễn Việt Long	Nam	05/07/1987	Cán bộ không chuyên trách hỗ trợ giúp việc Trung tâm Cung ứng dịch vụ công	5/2012	31/5/2026	38	11	62	0	23	1	7	7	6	3	13	10	166	14	0,9	2.106.000	101.088.000	44.226.000	6.318.000	151.632.000																													
6	Lê Thiện Thượng	Nam	19/6/1997	Phó chỉ huy QS, Cán bộ không chuyên trách hỗ trợ giúp việc Trung tâm Cung ứng dịch vụ công	7/2018	31/5/2026	28	11	62	0	33	1	7	3			7	3	87	7,5	1,2	2.808.000	134.784.000	31.590.000	8.424.000	174.798.000																													
7	Lê Thị Liễu	Nữ	20/4/1984	Cán bộ không chuyên trách hỗ trợ giúp việc Trung tâm Phục vụ HCC	10/2010	31/5/2026	42	1	60	0	17	11	16	6			15	5	185	15,5	0,9	2.106.000	101.088.000	48.964.500	6.318.000	156.370.500																													
8	Quản Bá Lực	Nam	20/4/1985	Cán bộ không chuyên trách hỗ trợ giúp việc Trung tâm Phục vụ HCC	1/7/2010	31/5/2026	41	1	62	0	20	11	15	11			15	11	191	16	0,9	2.106.000	101.088.000	50.544.000	6.318.000	157.950.000																													
9	Bùi Thị Thuý	Nữ	4/5/1990	Cán bộ không chuyên trách hỗ trợ giúp việc Trung tâm Cung ứng dịch vụ công	5/2012	31/5/2026	36	0	60	0	24	0	14	1			14	1	169	14,5	1	2.340.000	112.320.000	50.895.000	7.020.000	170.235.000																													

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ, chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Thời gian bắt đầu công tác ở chức danh NHDKCT ở cấp xã	Thời điểm nghỉ để hưởng chế độ theo ND 154	Tuổi tại thời điểm nghỉ công tác		Tuổi nghỉ hưu theo ND 135		Thời gian nghỉ sớm		Thời gian công tác ở chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã		Thời gian công tác có đóng BHXH ở vị trí khác		Tổng thời gian công tác: tháng/năm		Tổng số tháng	Số năm làm tròn	Lương hiện hưởng		Tổng kinh phí thực hiện chính sách				Tổng cộng
							Năm	Tháng	Năm	Tháng	Năm	Tháng	Năm	Tháng	Năm	Tháng	Năm	Tháng			Năm	Tháng	Hệ số	Lương hiện hưởng	Trợ cấp một lần	Trợ cấp một lần theo số năm công tác	
1	2	3	4	5	6	7	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	
10	Nguyễn Thị Bón	Nữ	20/4/1985	Cán bộ không chuyên trách hỗ trợ giúp việc Trung tâm Cung ứng dịch vụ công	12/2018	31/5/2026	41	1	60	0	18	11	7	6			7	6	90	7,5	0,9	2.106.000	101.088.000	23.692.500	6.318.000	131.098.500	
11	Mai Văn Chung	Nam	03/02/1984	Cán bộ không chuyên trách hỗ trợ giúp việc VP HDND - UBND phường	11/2011	31/5/2026	42	3	62	0	19	9	14	7			14	7	175	15	0,9	2.106.000	101.088.000	47.385.000	6.318.000	154.791.000	
12	Hoàng Tuấn Anh	Nam	2/2/1984	Cán bộ không chuyên trách hỗ trợ giúp việc phòng VH-XH	12/2010	31/5/2026	42	3	62	0	19	9	15	6			15	6	186	15,5	0,9	2.106.000	101.088.000	48.964.500	6.318.000	156.370.500	

Đông Tiến, ngày 1 tháng 5 năm 2026
 Chuyên viên  Phó trưởng phòng
 Nguyễn Thị Thanh Huyền  Đào Quốc Dũng